

*Vũng Tàu, ngày 02 tháng 3 năm 2021*

Số: 36/2021/QĐST-VHNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1026/TLST VHNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phạm Văn N, sinh năm 1957

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Đường H, Phường E, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ngày 12-11-2020, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý việc Hôn nhân và gia đình số: 1026/2020/TLST-VHNGĐ về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị H. Ông N và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự với những nội dung cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn;

Về con chung: có hai con chung đều trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về lệ phí Tòa án: Mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị H có hai con chung tên là Phạm Thị Phương M, sinh năm 1985 và Phạm Duy H1, sinh năm 1987, đều đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu giải quyết.

1.3. Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị H thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSNDTp.Vũng Tàu
- Chi cục THA DS Tp.Vũng Tàu;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Cúc**





